TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8 - 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Tân;

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 497/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 033190004078. HKTT: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên).

Đia chỉ tạm trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng); vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Chen Hong J**, sinh năm 1979; quốc tịch: Đài Loan; Hộ chiếu số 307066697

Địa chỉ cư trú: Số F, ngõ D đường D, khóm B, phố Q, quận T, thành phố G, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chen Hong J quen biết và được tự do tìm hiểu. Đến đầu tháng 6 năm 2013, anh Chen Hong J về Việt Nam để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh H. Sau khi kết hôn, anh Chen Hong J quay trở về Đài Loan làm việc, giữa hai bên chưa có khoảng thời gian sống chung cùng nhau. Kể từ khi anh Chen Hong J về Đài Loan thì hai bên bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, về quan điểm sống và trong hôn nhân chị không được tôn trọng ý kiến. Chính vì cuộc sống vợ chồng xa cách nên hai bên không quan tâm đến nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh Chen Hong J.

Khi khởi kiện chị Nguyễn Thị H nộp cho Tòa án văn bản T uỷ thác với nội dung: Bị đơn anh Chen Hong J gửi Thư uỷ thác, xác nhận việc giữa anh và chị H có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Hiện tại, anh chị không có con chung và không có tài sản chung, cũng không còn tình cảm. Anh uỷ thác cho chị H đến Toà án làm thủ tục ly hôn đồng thời ký vào các giấy tờ. Thủ tục thư uỷ thác đã được vào sổ chứng nhận công chứng Toà án nhân dân thành phố Tân Bắc ngày 09/8/2018.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh chị không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Chen Hong J là người có quốc tịch tại Đài Loan cư trú tại: Số F, ngõ D đường D, khóm B, phố Q, quận T, thành phố G, Đài Loan, nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp và thông báo để anh Chen Hong J cung cấp lời khai đưa ra quan điểm giải quyết vụ án nhưng không đạt kết quả.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Chen Hong J. Về con chung, tài sản chung không đặt ra giải quyết. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) và bị đơn là người nước ngoài có quốc tịch Đài Loan nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nay là Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng (Kể từ ngày 01/7/2025). Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp, niêm yết tại cơ quan có thẩm quyền và thông báo để anh Chen Hong J cung cấp lời khai đưa ra quan điểm giải quyết vụ án nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Chen Hong J có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh H ngày 04/6/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung. Chị Nguyễn Thị H và anh Chen Hong J đã không chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ về tình cảm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Chen Hong J.**

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Nhưng được trừ 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí Toà án đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố H) theo biên lai thu tiền số 0005182 ngày 04 tháng 10 năm 2024.

3. Về lệ phí tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng lệ phí uỷ thác tư pháp. Nhưng được trừ 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (nay là

Thi hành án dân sự thành phố H) theo biên lai thu tiền số 0005293 ngày 30 tháng 10 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(một)* tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng GĐ,TK,TT&THA Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND tỉnh Hưng Yên *(Đăng ký kết hôn ngày 04/6/2013)*;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân